

Số: 2156/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2013

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt “Chiến lược phát triển điện ảnh  
đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật điện ảnh số 62/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện ảnh số 31/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt “Chiến lược phát triển điện ảnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” (sau đây gọi tắt là Chiến lược) với những nội dung chủ yếu sau đây:

**I. QUAN ĐIỂM**

1. Xây dựng nền điện ảnh Việt Nam tiên tiến, mang đậm bản sắc dân tộc, sáng tác nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng, giáo dục, thẩm mỹ, giải trí, đạt hiệu quả kinh tế - xã hội cao, theo đúng định hướng phát triển văn học nghệ thuật của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ mới.

2. Phát triển điện ảnh Việt Nam theo hướng công nghiệp, hiện đại và hội nhập quốc tế.

3. Nhà nước tạo hành lang pháp lý và cơ hội bình đẳng cho các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sự nghiệp điện ảnh; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm trong các lĩnh vực: Sản xuất phim, phổ biến phim, đào tạo nguồn nhân lực và đổi mới kỹ thuật công nghệ.

4. Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động điện ảnh, khuyến khích các nguồn lực xã hội đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, phát triển nguồn nhân lực, nâng cao số lượng và chất lượng tác phẩm điện ảnh, mở rộng thị trường điện ảnh và hợp tác quốc tế.

## II. MỤC TIÊU

### 1. Mục tiêu tổng quát

- Đến năm 2020: Điện ảnh Việt Nam trở thành nền điện ảnh hiện đại, giàu bản sắc dân tộc, có hiệu quả kinh tế - xã hội cao, góp phần phát triển nền văn hóa và nhân cách con người Việt Nam trong thời kỳ mới.

- Đến năm 2030: Phần đầu xây dựng điện ảnh Việt Nam trở thành nền điện ảnh có bản sắc và uy tín ở châu Á, có những tác phẩm đạt giải thưởng quốc tế cao và tài năng điện ảnh tầm cỡ trong khu vực và thế giới.

### 2. Mục tiêu cụ thể

#### a) Sản xuất phim

Tăng số lượng và chất lượng từng loại hình phim, đa dạng hóa các dòng phim.

#### - Đến năm 2015:

+ Sản xuất: 25 - 30 phim truyện/năm (trong đó 30% số phim đặt hàng hoặc hỗ trợ từ ngân sách nhà nước); 12 - 24 phim/năm cho mỗi thể loại phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình (100% số phim đặt hàng sản xuất từ ngân sách nhà nước).

+ Chất lượng: 10% - 15% phim xếp loại xuất sắc (bậc III), 65% - 70% phim xếp loại khá (bậc II), 15% - 25% phim xếp loại trung bình (bậc I) theo quy định hiện hành; có ít nhất 02 phim đạt giải cao tại các liên hoan phim quốc tế và khu vực.

#### - Đến năm 2020:

+ Sản xuất: 40 - 45 phim truyện/năm (trong đó 25% số phim đặt hàng hoặc hỗ trợ từ ngân sách nhà nước); 36 - 48 phim/năm cho mỗi thể loại phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình (trong đó 85% số phim đặt hàng sản xuất từ ngân sách nhà nước).

+ Chất lượng: 15% - 20% phim xếp loại xuất sắc (bậc III), 70% - 75% phim xếp loại khá (bậc II), 5% - 15% phim xếp loại trung bình (bậc I); có ít nhất 02 phim đạt giải cao tại các liên hoan phim quốc tế có uy tín.

#### - Phần đầu đến năm 2030:

+ Sản xuất: 55 - 60 phim truyện/năm (trong đó 20% số phim đặt hàng hoặc hỗ trợ từ ngân sách nhà nước); 48 - 72 phim/năm cho mỗi thể loại phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình (trong đó 70% số phim đặt hàng sản xuất từ ngân sách nhà nước).

+ Chất lượng: 20% - 25% phim xếp loại xuất sắc (bậc III), 75% - 80% phim xếp loại khá (bậc II), 0% - 5% phim xếp loại trung bình (bậc I); có ít nhất 05 phim đạt giải cao tại các liên hoan phim quốc tế, trong đó có các liên hoan phim hàng đầu.

b) Phát hành - phổ biến phim

Tăng tỷ lệ chiếu phim truyện Việt Nam tại rạp, số lượng rạp và số lượng người xem phim.

- Đến năm 2015:

+ Tỷ lệ phim Việt Nam: Đạt ít nhất 30% số buổi chiếu phim truyện Việt Nam trên tổng số buổi chiếu phim tại rạp; 20% phim truyện Việt Nam trên tổng số phim phát hành.

+ Số người xem phim: Đạt 45 triệu lượt người xem phim/năm.

+ Số phòng chiếu phim: Đạt 250 phòng chiếu (trong đó 65% tổng số phòng chiếu thuộc khu vực kinh tế tư nhân).

- Đến năm 2020:

+ Tỷ lệ phim Việt Nam: Đạt ít nhất 35% số buổi chiếu phim truyện Việt Nam trên tổng số buổi chiếu phim tại rạp; 30% - 35% phim truyện Việt Nam trên tổng số phim phát hành.

+ Số người xem phim: Đạt 95 triệu lượt người xem phim/năm.

+ Số phòng chiếu phim: Đạt 550 phòng chiếu (trong đó 70% tổng số phòng chiếu thuộc khu vực kinh tế tư nhân).

- Phấn đấu đến năm 2030:

+ Tỷ lệ phim Việt Nam: Đạt ít nhất 45% số buổi chiếu phim truyện Việt Nam trên tổng số buổi chiếu phim tại rạp; 40% phim truyện Việt Nam trên tổng số phim phát hành.

+ Số người xem phim: Đạt 210 triệu lượt người xem phim/năm.

+ Số phòng chiếu phim: Đạt 1050 phòng chiếu (trong đó 80% tổng số phòng chiếu thuộc khu vực kinh tế tư nhân).

### c) Đào tạo nguồn nhân lực

- Tập trung đào tạo những ngành nghề chủ yếu: Đạo diễn, Nhà sản xuất, Biên kịch, Lý luận phê bình, Quay phim, Thiết kế mỹ thuật, Kỹ thuật - công nghệ, Diễn viên.

- Hình thức đào tạo: Bồi dưỡng nâng cao tay nghề ngắn hạn; đào tạo chính quy ở trong nước, ở nước ngoài.

### d) Hội nhập quốc tế

Phấn đấu đưa điện ảnh Việt Nam đến năm 2020 là một trong những nền điện ảnh hàng đầu khu vực Đông Nam Á, đến năm 2030 là nền điện ảnh có vị trí vững chắc trong khu vực châu Á.

- Đến năm 2015: Xuất khẩu đạt 15% số lượng phim sản xuất hàng năm; phim hợp tác - dịch vụ nước ngoài tăng 10%/năm.

- Đến năm 2020: Xuất khẩu đạt 20% số lượng phim sản xuất hàng năm; phim hợp tác - dịch vụ nước ngoài tăng 15%/năm.

- Phấn đấu đến năm 2030: Xuất khẩu đạt 30% số lượng phim sản xuất hàng năm; phim hợp tác - dịch vụ nước ngoài tăng 25%/năm.

## III. GIẢI PHÁP

### 1. Nhóm giải pháp về quản lý nhà nước

- Xây dựng và ban hành “Quy hoạch phát triển điện ảnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”; hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về điện ảnh, điều tiết các hoạt động điện ảnh theo hướng phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu hướng phát triển của điện ảnh thế giới.

- Hoàn thiện tiêu chí phân loại, thẩm định phim phù hợp với điều kiện Việt Nam và thông lệ quốc tế, triển khai đồng thời với việc cấp phép phổ biến phim nhằm bảo đảm định hướng phát triển điện ảnh.

- Thực hiện việc cải cách thủ tục hành chính đối với hoạt động điện ảnh theo tinh thần minh bạch, đơn giản; thực hiện việc thống kê theo dõi các lĩnh vực hoạt động điện ảnh để bảo đảm sự phát triển hài hòa và bền vững của điện ảnh Việt Nam; tổ chức tiến hành sơ kết, tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm việc thực hiện Chiến lược theo từng thời kỳ.

## 2. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách và nguồn vốn đầu tư

- Thực hiện việc đặt hàng sản xuất các tác phẩm điện ảnh có sử dụng ngân sách nhà nước đối với các cơ sở sản xuất phim, không phân biệt doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân.

- Bố trí nguồn đầu tư sản xuất phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình, phim truyện để phục vụ thiếu nhi và đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước.

- Xây dựng chính sách đặc thù đối với các hoạt động điện ảnh tại các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị, tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam dân tộc và hiện đại.

- Xây dựng chế độ đãi ngộ xứng đáng dành cho cán bộ, nghệ sĩ có thành tựu, có nhiều đóng góp trong sự nghiệp phát triển điện ảnh, những người hoạt động điện ảnh chuyên sâu và chuyên môn cao theo danh hiệu, học hàm, học vị.

## 3. Nhóm giải pháp về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

- Phát triển nhân lực điện ảnh bảo đảm chất lượng, số lượng, cân đối về cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo đáp ứng yêu cầu phát triển điện ảnh dân tộc và hội nhập quốc tế.

- Nâng cấp chất lượng đào tạo chính quy tại các cơ sở đào tạo về điện ảnh theo hướng chuyên nghiệp và hiện đại.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực điện ảnh, đặc biệt chú trọng nguồn nhân lực quản lý và đội ngũ sáng tác, kỹ thuật có tay nghề cao.

- Đa dạng hóa phương thức đào tạo; khuyến khích thành phần kinh tế tư nhân tham gia đào tạo nguồn nhân lực điện ảnh.

## 4. Nhóm giải pháp về xây dựng cơ sở kỹ thuật đồng bộ và đổi mới công nghệ

- Xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện việc chuyển đổi từ công nghệ sản xuất, phổ biến, lưu trữ phim nhựa 35 mm sang công nghệ số phù hợp với xu hướng phát triển của điện ảnh thế giới.

- Nhà nước đầu tư có trọng tâm, trọng điểm cơ sở vật chất kỹ thuật cho ngành điện ảnh, trên cơ sở sắp xếp lại các trung tâm kỹ thuật điện ảnh và trường quay, nhằm đáp ứng yêu cầu phục vụ khâu kỹ thuật tiên kỳ, hậu kỳ trong sản xuất phim theo công nghệ hiện đại.

- Nhà nước đầu tư trang thiết bị phù hợp cho Đội chiếu bóng lưu động ở miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

- Quy hoạch xây dựng các trường quay tại ba khu vực: Bắc bộ, Trung bộ và Nam bộ, đầu tư theo cơ chế xã hội hóa là chủ yếu, Nhà nước hỗ trợ đầu tư một số hạng mục ban đầu.

5. Nhóm giải pháp về đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong phát triển điện ảnh

- Giới thiệu phim Việt Nam ra thế giới theo 3 hình thức:

+ Tham dự các Tuần phim Việt Nam, Ngày văn hóa Việt Nam, các sự kiện văn hóa, nghệ thuật theo thỏa thuận, hiệp định, quan hệ ngoại giao.

+ Tham dự các Liên hoan Phim quốc tế.

+ Thiết lập thị trường điện ảnh Việt Nam ở nước ngoài.

- Giới thiệu phim xuất sắc, có giá trị của nước ngoài tại Việt Nam.

- Xây dựng thương hiệu Liên hoan Phim quốc tế Hà Nội thành một trong những Liên hoan Phim quốc tế có uy tín trong khu vực và châu Á.

- Mở rộng hợp tác, liên doanh sản xuất phim với nước ngoài; kết hợp giữa điện ảnh với du lịch để quảng bá đất nước, nét đặc sắc của các vùng miền nhằm thu hút các dự án phim nước ngoài vào Việt Nam và kích cầu du lịch.

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo nguồn nhân lực cho điện ảnh.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### **1. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch**

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược.

b) Chủ trì xây dựng “Quy hoạch phát triển điện ảnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” trên cơ sở định hướng, mục tiêu, giải pháp của Chiến lược đã được phê duyệt.

c) Hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện Chiến lược, định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ; tổ chức sơ kết vào cuối năm 2015 và tổng kết vào cuối năm 2020.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện nhiệm vụ chức năng liên quan tới việc xác định nhiệm vụ và nguồn vốn đầu tư của Nhà nước cho ngành điện ảnh để thực hiện Chiến lược.

3. Bộ Tài chính thực hiện nhiệm vụ chức năng liên quan tới việc xác định cơ chế chính sách tài chính, cấp kinh phí và hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương sử dụng kinh phí thực hiện Chiến lược đúng mục đích và hiệu quả.

4. Bộ Ngoại giao thực hiện nhiệm vụ chức năng liên quan đến việc phối hợp tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền quảng bá điện ảnh Việt Nam ở nước ngoài, làm cầu nối xúc tiến các hoạt động đầu tư của nước ngoài vào lĩnh vực điện ảnh.

5. Bộ Thông tin và Truyền thông, Đài Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam thực hiện nhiệm vụ chức năng liên quan tới quản lý thông tin, tuyên truyền quảng bá cho điện ảnh dân tộc theo mục tiêu Chiến lược.

6. Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng thực hiện các nhiệm vụ chức năng liên quan tới quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, có chính sách ưu đãi sử dụng đất, thuế đất đối với các cơ sở điện ảnh; dành quỹ đất xây dựng rạp chiếu phim tại các trung tâm tỉnh, thành phố và các khu đô thị, xây dựng trung tâm kỹ thuật điện ảnh và trường quay tại các tỉnh, thành phố theo mục tiêu Chiến lược.

7. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ thực hiện các nhiệm vụ, chức năng liên quan đến công tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và chính sách ưu đãi, thu hút nhân tài cho ngành điện ảnh theo mục tiêu Chiến lược.

8. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện Chiến lược tại địa bàn phù hợp định hướng, mục tiêu và giải pháp của Chiến lược.

b) Thực hiện việc dành quỹ đất cho các cơ sở điện ảnh, xây dựng các rạp chiếu phim, các trung tâm kỹ thuật, trường quay phù hợp với quy hoạch xây dựng của địa phương theo mục tiêu Chiến lược.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- UBTQLH các Hội VHNT Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: Văn thư, KGVX (3b). XH.150



**KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Thiện Nhân**